TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.2/TĐTKT-CN | **Mã số thuế**

KẾT QUẢ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
Năm 2016

(Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động công nghiệp)

1. **Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở:**……
   Địa chỉ: ……

   CQ Thống kê ghi

   Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:……..

   Huyện/quận(thị xã, Tp thuộc tỉnh)……..

2. **Ngành SXKD chính:**……..

   (VSIC 2007-Cấp 5)

3. **Loại hình cơ sở**

   1. Doanh nghiệp đơn 2. Cơ sở trực thuộc hạch toán độc lập 3. Cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc 4. Trụ sở chính có hoạt động SXKD

4. **Lao động**

   Tổng số lao động thời điểm 01/01/2016 ☐ ***Người*** **Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016** ☐ ***Người***

   Trong đó: Nữ ☐ ***Người*** ***Trong đó: Nữ*** ☐ ***Người***

5. **Sản phẩm công nghiệp sản xuất và tiêu thụ năm 2016** ***(ghi toàn bộ sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của cơ sở)***

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng sản phẩm *(Chỉ tính các sản phẩm do DN sản xuất bằng nguyên vật liệu của DN và sản phẩm do cơ sở gia công cho bên ngoài, không tính các sản phẩm do bên ngoài gia công cho cơ sở)*						Trị giá sản phẩm xuất kho tiêu thụ *(Tương ứng với SP tiêu thụ ở cột 3 và 4) (không bao gồm thuế VAT, thuế TTĐB, thuế XK) (Triệu đồng)*	
			Khối lượng sản phẩm sản xuất		Khối lượng sản phẩm xuất kho tiêu thụ		Khối lượng sản phẩm tồn kho		Tổng số	*Trong đó* : Giá trị dịch vụ gia công sản phẩm cho bên ngoài
			Tổng số	*Trong đó:* Sản phẩm gia công cho bên ngoài	Tổng số	*Trong đó:* Sản phẩm gia công cho bên ngoài	Đầu năm	Cuối năm		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1.										
2.										
3.										
4.										
5.										

Tổng trị giá sản phẩm công nghiệp đã xuất kho tiêu thụ trong năm 2016:	

II. Nguyên vật liệu nông sản doanh nghiệp sử dụng trong sản xuất và tồn kho năm 2016

Loại nông sản được sử dụng làm nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	(Chỉ tính các loại nông sản DN sử dụng để sản xuất sản phẩm của DN và sản phẩm do DN gia công cho bên ngoài, không tính các loại nông sản dùng làm nguyên vật liệu do bên ngoài gia công sản phẩm cho DN)			
			Nông sản dùng làm nguyên vật liệu sản xuất		Nông sản dùng là nguyên vật liệu tồn kho	
			Tổng số	Trong đó: nông sản dùng làm nguyên vật liệu gia công cho bên ngoài	Đầu năm	Cuối năm
A	B	C	1	2	3	4
Thóc các loại	01	Tấn				
Gạo các loại	02	Tấn				
Ngô hạt	03	Tấn				
Bột ngô	04	Tấn				
Sắn (mỳ)	05	Tấn				
Sắn (mỳ) cắt lát	06	Tấn				
Đỗ tương	07	Tấn				
Lạc	08	Tấn				
Chè búp tươi	09	Tấn				
Cao su mủ khô	10	Tấn				
Cà phê	11	Tấn				
Mía cây	12	Tấn				
Thịt lợn	13	Tấn				
Thịt trâu	14	Tấn				
Thịt bò	15	Tấn				
Thịt gà	16	Tấn				
Trứng gà	17	1000 quả				
Trứng vịt, ngan, ngỗng	18	1000 quả				
Cá	19	Tấn				
Tôm	20	Tấn				